

Họ, tên thí sinh:..... Số báo danh: .....

Mã đề 256

**Câu 1:** Có 22,3 gam hỗn hợp X gồm bột  $\text{Fe}_2\text{O}_3$  và Al. Nung X không có không khí tới phản ứng hoàn toàn thu được hỗn hợp Y. Hoà tan Y trong HCl dư được 5,6 lít khí (đktc). Khối lượng Al có trong hh X là.

- A. 9,3                      B. 6,3                      C. 6,75                      D. 8,1

**Câu 2:** Sục  $\text{H}_2\text{S}$  đến dư qua dd chứa  $\text{AlCl}_3$ ,  $\text{NH}_4\text{Cl}$ ,  $\text{NaCl}$ ,  $\text{CuCl}_2$  cho đến khi bão hoà thu được kết tủa gồm:

- A.  $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ,  $\text{Al}(\text{OH})_3$     B.  $\text{CuS}$  và  $\text{Al}_2\text{S}_3$     C.  $\text{CuS}$     D.  $\text{Al}_2\text{S}_3$

**Câu 3:** Có 500 ml dung dịch X chứa  $\text{Na}^+$ ,  $\text{NH}_4^+$ ,  $\text{CO}_3^{2-}$  và  $\text{SO}_4^{2-}$ . Lấy 100 ml dung dịch X tác dụng với lượng dư dung dịch HCl thu được 2,24 lít khí. Lấy 100 ml dung dịch X cho tác dụng với lượng dư dung dịch  $\text{BaCl}_2$  thu được 43 gam kết tủa. Lấy 200 ml dung dịch X tác dụng với lượng dư dung dịch NaOH thu được 8,96 lít khí  $\text{NH}_3$ . Các phản ứng hoàn toàn, các thể tích khí đều đo ở đktc. Tính tổng khối lượng muối có trong 300 ml dung dịch X ?

- A. 23,8 gam.                      B. 86,2 gam.                      C. 119 gam.                      D. 71,4 gam.

**Câu 4:** Lên men m gam glucozo với hiệu suất 70% rồi hấp thụ toàn bộ khí thoát ra vào 4 lít dung dịch NaOH 0,5M (  $D=1,05\text{g/ml}$  ) thu được dung dịch chứa 2 muối có tổng nồng độ là 3,211%. Giá trị của m là:

- A. 192,9                      B. 135,0                      C. 270,0                      D. 384,7

**Câu 5:** Các chất trong dãy nào sau đây khi tác dụng với dung dịch  $\text{AgNO}_3 / \text{NH}_3$  dư đều tạo ra sản phẩm là kết tủa:

- A. Fructozơ, andehit axetic, mantozơ, xenlulozơ.    B. Đivinyl, glucozơ, metyl fomat, tinh bột.  
C. Glucozơ, metyl fomat, saccarozơ, andehit axetic.    D. Vinylaxetilen, glucozơ, metyl fomat, axit fomic

**Câu 6:** Đốt cháy hoàn toàn 29,6 gam hỗn hợp X gồm  $\text{CH}_3\text{COOH}$ ,  $\text{C}_x\text{H}_y\text{COOH}$  và  $(\text{COOH})_2$  thu được 14,4 gam  $\text{H}_2\text{O}$  và m gam  $\text{CO}_2$ . Mặt khác, 29,6 gam hỗn hợp X phản ứng hoàn toàn với  $\text{NaHCO}_3$  dư thu được 11,2 lít (đktc) khí  $\text{CO}_2$ . Tính m

- A. 44g                      B. 48,4 gam                      C. 52,8 g                      D. 33 gam

**Câu 7:** Hoàn tan hoàn toàn hỗn hợp gồm 16,8 gam Fe và 9,6 gam Cu trong dung dịch  $\text{HNO}_3$  loãng, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được dung dịch chứa 91,5 gam muối và V lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất, ở đktc). Giá trị của V là

- A. 8,96 lít                      B. 23,52 lít                      C. 6,72 lít                      D. 7,84 lít

**Câu 8:** Cho 150 ml dung dịch  $\text{Ba}(\text{OH})_2$  1M vào 250 ml dung dịch  $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$  x(M) thu được 42,75 gam kết tủa. Thêm tiếp 200 ml dung dịch  $\text{Ba}(\text{OH})_2$  1M vào hỗn hợp phản ứng thì lượng kết tủa thu được là 94,2375 gam. Giá trị của x là

- A. 0,25                      B. 0,15                      C. 0,45                      D. 0,3

**Câu 9:** Crackinh hoàn toàn một ankan X chỉ thu được sản phẩm gồm 2 hidrocarbon. X có thể là:

- A. Butan                      B. neopentan                      C. isopentan                      D. pentan

**Câu 10:** Cặp chất nào sau đây **không** thể phân biệt được bằng dung dịch brom

- A. Stiren và toluen                      B. Phenol và anilin  
C. Glucozơ và Fructozơ                      D. axit acrylic và phenol

**Câu 11:** Các khí có thể cùng tồn tại trong một hỗn hợp là

- A.  $\text{NH}_3$  và HCl.                      B. HI và  $\text{O}_3$ .                      C.  $\text{Cl}_2$  và  $\text{O}_2$ .                      D.  $\text{H}_2\text{S}$  và  $\text{Cl}_2$ .

**Câu 12:** Công thức nào sau đây **không** thể là công thức đơn giản của 1 este no, mạch hở

- A.  $\text{C}_5\text{H}_{10}\text{O}$                       B.  $\text{C}_5\text{H}_8\text{O}_2$                       C.  $\text{C}_5\text{H}_9\text{O}_2$                       D.  $\text{C}_4\text{H}_5\text{O}_4$

**Câu 13:** Axit fomic có thể phản ứng được với tất cả các chất trong dãy nào sau đây (các điều kiện phản ứng coi như đủ)

- A. NaOH, CuO, MgO,  $\text{C}_2\text{H}_5\text{Cl}$                       B.  $\text{Cu}(\text{OH})_2$ , Cu, NaCl,  $\text{CH}_3\text{NH}_2$ .  
C.  $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ , NaOH, CuO                      D.  $\text{CH}_3\text{OH}$ , K,  $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_3\text{Cl}$ ,  $\text{NH}_3$

**Câu 14:** Hòa tan hoàn toàn hỗn hợp gồm một kim loại hóa trị 1 và oxit kim loại hóa trị 2 vào nước dư. Sau khi phản ứng xong được 500 ml dd X chỉ chứa một chất tan duy nhất và 4,48 lít khí  $H_2$ . Tính nồng độ mol của dung dịch X

- A. 0,25 M                      B. 0,2M                      C. 0,3M                      D. 0,4 M

**Câu 15:** Cho các polime sau :cao su lưu hóa, poli vinyl clorua, thủy tinh hữu cơ, glicogen, polietilen, amilozơ, nhựa rezol. Số polime có cấu trúc mạch thẳng là :

- A. 4                      B. 5                      C. 3                      D. 6

**Câu 16:** Cho các chất sau:  $H_2O$ ,  $C_2H_5OH$ ,  $CH_3COOH$ ,  $HCOOH$ ,  $C_6H_5OH$ . Chiều tăng dần độ linh động của nguyên tử H trong các nhóm chức của 4 chất là

- A.  $H_2O, C_2H_5OH, C_6H_5OH, CH_3COOH, HCOOH$ .    B.  $H_2O, C_2H_5OH, C_6H_5OH, HCOOH, CH_3COOH$ .  
C.  $C_2H_5OH, H_2O, C_6H_5OH, CH_3COOH, HCOOH$ .    D.  $C_2H_5OH, H_2O, C_6H_5OH, HCOOH, CH_3COOH$ .

**Câu 17:** Dung dịch X chứa 14,60 gam HCl và 22,56 gam  $Cu(NO_3)_2$ . Thêm m (gam) bột sắt vào dung dịch X, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được hỗn hợp kim loại có khối lượng là 0,535m (gam) và chỉ tạo khí NO (sản phẩm khử duy nhất của  $N^{+5}$ ). Giá trị của m là

- A. 9,28.                      B. 14,88.                      C. 16.                      D. 1,92.

**Câu 18:** Khi nung butan với xúc tác thích hợp đến phản ứng hoàn toàn thu được hỗn hợp T gồm  $CH_4$ ,  $C_3H_6$ ,  $C_2H_4$ ,  $C_2H_6$ ,  $C_4H_8$ ,  $H_2$  và  $C_4H_6$ . Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp T thu được 8,96 lít  $CO_2$  (đo ở đktc) và 9,0 gam  $H_2O$ . Mặt khác, hỗn hợp T làm mất màu vừa hết 19,2 gam  $Br_2$  trong dung dịch nước brom. Phần trăm về số mol của  $C_4H_6$  trong T là:

- A. 16,67%.                      B. 22,22%.                      C. 9,091%.                      D. 8,333%.

**Câu 19:** Cho các dung dịch muối:  $Na_2CO_3$ ,  $NH_4HCO_3$ ,  $(NH_4)_2CO_3$  có cùng nồng độ mol. Sắp xếp các dung dịch này theo thứ tự pH tăng dần:

- A.  $(NH_4)_2CO_3, NH_4HCO_3, Na_2CO_3$                       B.  $(NH_4)_2CO_3, Na_2CO_3, NH_4HCO_3$   
C.  $NH_4HCO_3, (NH_4)_2CO_3, Na_2CO_3$                       D.  $Na_2CO_3, NH_4HCO_3, (NH_4)_2CO_3$

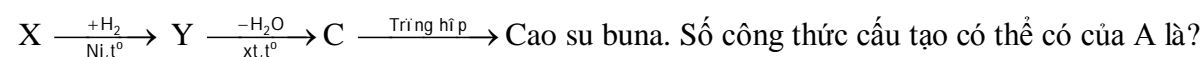
**Câu 20:** Có 6 gói bột riêng biệt có màu tương tự nhau:  $CuO$ ,  $FeO$ ,  $Fe_3O_4$ ,  $MnO_2$ ,  $Ag_2O$  và hỗn hợp  $Fe + FeO$ . Thuộc thử để phân biệt được 6 gói bột trên là:

- A. dd  $H_2SO_4$  loãng    B. dd  $H_2O_2$                       C. dd  $HNO_3$  đặc                      D. dd HCl

**Câu 21:** Hòa tan hoàn toàn  $Fe_3O_4$  trong  $H_2SO_4$  loãng dư thu được dung dịch X, Cho dung dịch X lần lượt phản ứng với các chất: Cu, Ag, dung dịch  $KMnO_4$ ,  $Na_2CO_3$ ,  $AgNO_3$ ,  $KNO_3$ . Số phản ứng xảy ra là

- A. 3                      B. 6                      C. 5                      D. 4

**Câu 22:** Hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử  $C_4H_6O_2$ . Biết từ X có thể điều chế cao su buna theo sơ đồ:



- A. 4                      B. 2                      C. 3                      D. 1

**Câu 23:** Cho dãy các chất : Al,  $Mg(OH)_2$ ,  $Al_2(SO_4)_3$ ,  $(NH_4)_2CO_3$ ,  $CH_3COONH_4$ ,  $NaHSO_4$ ,  $NaHCO_3$ ,  $SO_3$ . Số chất trong dãy có tính chất lưỡng tính là

- A. 3                      B. 4                      C. 2                      D. 5

**Câu 24:** Điện phân dung dịch chứa m gam hỗn hợp 2 muối  $CuSO_4$  và NaCl bằng điện cực trơ, có màng ngăn đến khi nước bị điện phân ở cả 2 điện cực thì ngừng điện phân. Dung dịch sau điện phân hoàn tan vừa đủ 1,6 gam CuO và ở anot của bình điện phân có 448 ml khí bay ra (đktc). Giá trị của m là

- A. 5,97 gam                      B. 7,14 gam                      C. 3,875 gam                      D. 4,95 gam

**Câu 25:** Dãy so sánh tính chất vật lí của kim loại nào dưới đây là **không** đúng ?

- A. Tính cứng của  $Cs > Fe > Cr$   
B. Khả năng dẫn điện và nhiệt của  $Ag > Cu > Au$   
C. Tỉ khối của  $Li < Fe < Os$ .  
D. Nhiệt độ nóng chảy của  $Hg < Al < W$

**Câu 26:** Cho hỗn hợp X gồm ancol etylic và hai axit cacboxylic no, đơn chức kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng tác dụng hết với Na giải phóng ra 8,96 lít  $H_2$  (đktc). Nếu đun nóng hỗn hợp X (có  $H_2SO_4$  đặc xt) thì các chất trong hỗn hợp phản ứng vừa đủ với nhau tạo thành 34,88 gam este (giả thiết các phản ứng este hoá xảy ra như nhau và đạt hiệu suất 80%). Hai axit cacboxylic trong hỗn hợp là

- A.  $C_2H_5COOH$  &  $C_3H_7COOH$ .  
C.  $CH_3COOH$  &  $C_2H_5COOH$

- B.  $HCOOH$  &  $CH_3COOH$ .  
D.  $C_3H_7COOH$  &  $C_4H_9COOH$ .

**Câu 27:** Cho 0,2 mol một anđehit đơn chức, mạch hở X phản ứng vừa đủ với 300 ml dung dịch chứa  $AgNO_3$  2M trong  $NH_3$ . Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được 87,2 g kết tủa. Công thức phân tử của anđehit là

- A.  $C_3H_5CHO$                       B.  $C_4H_3CHO$                       C.  $C_3H_3CHO$                       D.  $C_4H_5CHO$

**Câu 28:** Thủy phân hoàn toàn 1 tetrapeptit X thu được 2 mol glyxin, 1 mol alanin, 1 mol valin. Số đồng phân cấu tạo của peptit X là:

- A. 12                      B. 18                      C. 10                      D. 24

**Câu 29:** Tripeptit mạch hở X và tetrapeptit mạch hở Y đều được tạo ra từ một amino axit no, mạch hở có 1 nhóm  $-COOH$  và 1 nhóm  $-NH_2$ . Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol X thu được sản phẩm gồm  $CO_2$ ,  $H_2O$ ,  $N_2$  trong đó tổng khối lượng  $CO_2$ ,  $H_2O$  là 109,8 gam. Nếu đốt cháy hoàn toàn 0,3 mol Y cần số mol  $O_2$  là:

- A. 6,75                      B. 3,375                      C. 9                      D. 4,5

**Câu 30:** Dung dịch X chứa hỗn hợp  $NaOH$  0,20M và  $Ba(OH)_2$  0,10M; dung dịch Y chứa hỗn hợp  $H_2SO_4$  0,05M và  $HNO_3$  0,04M. Trộn V lít dung dịch X với V' lít dd Y thu được dd Z có pH = 13. Tỷ lệ V/V' là:

- A. 12,5.                      B. 1,25.                      C. 0,08.                      D. 0,8.

**Câu 31:** Cho các dung dịch:  $Fe_2(SO_4)_3$ ,  $AgNO_3$ ,  $FeCl_2$ ,  $CuCl_2$ ,  $HCl$ ,  $CuCl_2 + HCl$ ,  $ZnCl_2$ . Nhúng vào mỗi dung dịch một thanh kim loại Fe, số trường hợp xảy ra ăn mòn điện hóa là

- A. 3                      B. 4                      C. 6                      D. 1

**Câu 32:** Dãy chuyển hóa nào sau đây **không** đúng ?

- A.  $C_2H_2 \xrightarrow[C_{ho\ddot{a}t\ t\ddot{h}nh}]{600^\circ C} X_3 \xrightarrow{+Cl_2, as} C_6H_6Cl_6$   
B. Toluen  $\xrightarrow{+Br_2, as, t^\circ C} X_4 \xrightarrow{+NaOH, t^\circ} \text{ancol benzylic}$   
C. Benzen  $\xrightarrow{HONO_2 / H_2SO_4} X_1 \xrightarrow{Br_2 / Fe, t^\circ} \text{m-bromnitrobenzen}$   
D.  $C_3H_6 \xrightarrow{+Cl_2, 450^\circ C} X_2 \xrightarrow{+NaOH, t^\circ} \text{propan-1,2-di\ddot{o}l}$

**Câu 33:** Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp gồm Na,  $Na_2O$ ,  $NaOH$ ,  $Na_2CO_3$  trong dung dịch axit  $H_2SO_4$  40% (vừa đủ) thu được 8,96 lít hỗn hợp khí có tỉ khối đối với  $H_2$  bằng 16,75 và dung dịch Y có nồng độ 51,449%. Cô cạn Y thu được 170,4 gam muối. Giá trị của m là

- A. 50,4                      B. 23,8                      C. 50,6                      D. 37,2

**Câu 34:** X là một tripeptit được tạo thành từ 1 amino axit no, mạch hở có 1 nhóm  $-COOH$  và 1 nhóm  $-NH_2$ . Đốt cháy hoàn toàn 0,3 mol X cần 2,025 mol  $O_2$  thu được sản phẩm gồm  $CO_2$ ,  $H_2O$ ,  $N_2$ . Vậy công thức của amino axit tạo nên X là

- A.  $H_2NCH_2COOH$                       B.  $H_2NC_3H_6COOH$                       C.  $H_2N-COOH$                       D.  $H_2NC_2H_4COOH$

**Câu 35:** Đốt cháy hoàn toàn m gam một chất béo (triglixerit) cần 1,61 mol  $O_2$ , sinh ra 1,14 mol  $CO_2$  và 1,06 mol  $H_2O$ . Cũng m gam chất béo này tác dụng vừa đủ với dung dịch  $NaOH$  thì khối lượng muối tạo thành là :

- A. 18,28 gam.                      B. 16,68 gam.                      C. 20,28 gam.                      D. 23,00 gam.

**Câu 36:** Phát biểu **không** đúng là:

- A. Nếu một hidrocarbon tác dụng với dung dịch  $AgNO_3/NH_3$  được kết tủa vàng hidrocarbon đó là ankín  
B. Để phân biệt các hidrocarbon no có công thức phân tử  $C_4H_8$ , ta có thể dùng nước brom  
C. Đốt cháy hoàn toàn một hidrocarbon thì khối lượng  $CO_2$  thu được luôn lớn hơn khối lượng  $H_2O$   
D. Anken  $C_5H_{10}$  có 5 đồng phân cấu tạo.

**Câu 37:** Hỗn hợp X gồm ancol etylic và hai ankan là đồng đẳng kế tiếp. Đốt cháy hoàn toàn 9,45 gam X thu được 13,05 gam nước và 13,44 lít  $CO_2$  (đktc). Phần trăm khối lượng của ancol etylic trong X là:

- A. 52,92%                      B. 24,34%                      C. 22,75%                      D. 38,09%

**Câu 38:** Chia m gam hỗn hợp 2 anđehit đơn chức mạch hở thành 2 phần bằng nhau

Phần 1 tác dụng với lượng dư  $AgNO_3$  trong  $NH_3$  thu được 86,4 gam Ag kết tủa

Phần 2 tác dụng vừa đủ với 1 gam hiđro có xúc tác Niken nung nóng thu được hỗn hợp ancol Y. Ngưng tụ Y rồi cho toàn bộ vào bình chứa Na thấy khối lượng bình tăng (0,5m+0,7) gam. Công thức của 2 anđehit là:

- A.  $HCHO$  và  $CH_3CHO$                       B.  $CH_2CHCHO$  và  $CH_3CHO$   
C.  $CH_2CHCHO$  và  $HCHO$                       D.  $HCHO$  và  $C_2H_5CHO$

**Câu 39:** Đốt cháy hoàn toàn 4,02 gam hỗn hợp axit acrylic, vinyl axetat và metyl metacrylat rồi cho toàn bộ sản phẩm cháy vào bình 1 đựng dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  đặc, bình 2 đựng dung dịch  $\text{Ba}(\text{OH})_2$  dư thấy khối lượng bình 1 tăng m gam, bình 2 xuất hiện 35,46 gam kết tủa. Giá trị của m là:

- A. 3,24                      B. 2,34                      C. 2,7                      D. 3,6

**Câu 40:** Etan, Etylen, Etyl benzen, Vinyl benzen, But-1,3-đien, Etylen glycol và Caprolactam. Có bao nhiêu chất có khả năng trùng hợp để tạo Polime.

- A. 3                      B. 4                      C. 5                      D. 2

**Câu 41:** Hòa tan hoàn toàn  $\text{Fe}_3\text{O}_4$  trong dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  loãng (dư) được dung dịch  $\text{X}_1$ . Cho lượng dư bột Fe vào dung dịch  $\text{X}_1$  (trong điều kiện không có không khí) đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch  $\text{X}_2$  chứa chất tan là

- A.  $\text{FeSO}_4$  và  $\text{H}_2\text{SO}_4$ .      B.  $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$  và  $\text{H}_2\text{SO}_4$ .      C.  $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ .      D.  $\text{FeSO}_4$

**Câu 42:** Hợp chất X có công thức phân tử  $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_3$ . Cho 10,4 gam X tác dụng với dung dịch NaOH (vừa đủ) thu được 9,8 gam muối. công thức cấu tạo đúng của X là

- A.  $\text{CH}_3\text{CH}(\text{OH})-\text{COOCH}_3$ .                      B.  $\text{HCOOCH}_2\text{CH}_2\text{CHO}$   
C.  $\text{HOCH}_2\text{COOC}_2\text{H}_5$ .                      D.  $\text{CH}_3\text{COOCH}_2\text{CH}_2\text{OH}$

**Câu 43:** Hòa tan hoàn toàn 80 gam hỗn hợp X gồm  $\text{CuSO}_4$ ,  $\text{FeSO}_4$  và  $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$  trong đó S chiếm 22,5% về khối lượng trong nước được dung dịch X, Thêm NaOH dư vào X, lọc kết tủa đem nung trong không khí đến khối lượng không đổi thu được chất rắn Y, thổi CO dư qua Y thu được hỗn hợp rắn Z, Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Khối lượng của Z là

- A. 26 gam                      B. 36 gam                      C. 40 gam                      D. 30 gam

**Câu 44:** Cho a gam Na vào dung dịch HCl thu được 3,36 lít  $\text{H}_2$  (đktc) và dung dịch A; Cô cạn dung dịch A thu được 15,7 gam chất rắn khan. Khối lượng NaCl sinh ra là:

- A. 5,85 gam                      B. 11,7 gam                      C. 8,55 gam                      D. 15,7 gam

**Câu 45:** Hòa tan 10,65 gam hỗn hợp gồm một oxit kim loại kiềm và một oxit kim loại kiềm thổ bằng dung dịch HCl dư được dung dịch X. Cô cạn dung dịch X, lấy muối khan đem điện phân nóng chảy hoàn toàn thì thu được 3,36 lít khí (đo ở đktc) ở anot và a (gam) hỗn hợp kim loại ở catot. Giá trị của a là

- A. 9,45.                      B. 8,25.                      C. 9,05.                      D. 5,85.

**Câu 46:** Cho phương trình phản ứng:  $\text{Mg} + \text{HNO}_3 \rightarrow \text{Mg}(\text{NO}_3)_2 + \text{NO} + \text{N}_2\text{O} + \text{H}_2\text{O}$ . Nếu tỉ khối của hỗn hợp NO và  $\text{N}_2\text{O}$  đối với  $\text{H}_2$  là 19,2. Tỉ lệ số phân tử bị khử và bị oxi hóa là

- A. 6 : 11                      B. 11 : 28                      C. 38 : 15                      D. 8 : 15

**Câu 47:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng

- A. Các amino axit là những chất rắn kết tinh, dễ tan trong nước và có nhiệt độ nóng chảy cao  
B. Các peptit và protein có phản ứng màu biure, hòa tan  $\text{Cu}(\text{OH})_2$  cho hợp chất có màu xanh lam đặc trưng  
C. Tính bazơ của amoniac mạnh hơn anilin nhưng lại yếu hơn etylamin  
D. Anilin tác dụng vừa đủ với dd HCl, lấy sản phẩm thu được cho tác dụng với NaOH lại thu được anilin

**Câu 48:** Cho 17,160 gam một kim loại hoá trị hai tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl 20% thu được 112,992 gam dung dịch và khí  $\text{H}_2$ . Kim loại đã cho là:

- A. Mg                      B. Zn                      C. Sr                      D. Ca

**Câu 49:** Sục V lít  $\text{CO}_2$  (đktc) vào dung dịch hỗn hợp chứa x mol NaOH và y mol  $\text{Ba}(\text{OH})_2$ . Để kết tủa thu được là cực đại thì giá trị của V là

- A.  $V = 22,4.(x+y)$                       B.  $22,4.y \leq V \leq (y + \frac{x}{2}).22,4$   
C.  $V = 22,4.y$                       D.  $22,4.y \leq V \leq (x + y).22,4$

**Câu 50:** Hỗn hợp khí A gồm CO và  $\text{H}_2$  có tỉ khối đối với hidro bằng 4,25, hỗn hợp khí B gồm  $\text{O}_2$  và  $\text{O}_3$  có tỉ khối đối với  $\text{H}_2$  là 20. Để đốt cháy hoàn toàn 10V lít khí A cần lượng thể tích hỗn hợp khí B là: (các khí đo ở cùng điều kiện nhiệt độ, áp suất)

- A. 6V                      B. 8V                      C. 10V                      D. 4V

----- HẾT -----

256	1 B
256	2 C
256	3 D
256	4 A
256	5 D
256	6 A
256	7 D
256	8 C
256	9 B
256	10 B
256	11 C
256	12 B
256	13 C
256	14 D
256	15 B
256	16 C
256	17 C
256	18 C
256	19 C
256	20 D
256	21 C
256	22 A
256	23 A
256	24 A
256	25 A
256	26 A
256	27 B
256	28 A
256	29 D
256	30 D
256	31 A
256	32 D
256	33 C
256	34 A
256	35 A
256	36 A
256	37 B
256	38 C
256	39 B
256	40 B
256	41 D
256	42 C
256	43 A
256	44 B
256	45 B
256	46 D
256	47 B
256	48 B
256	49 D
256	50 D

Download more at [www.alk37pbc.net](http://www.alk37pbc.net)